

quy định tạm thời chế độ tiền lương mới của cán bộ, công nhân viên chức cơ quan Đảng, đoàn thể.

- Ngoài phần kinh phí của các tổ chức Đảng, đoàn thể tại doanh nghiệp được chi từ nguồn quy định tại Công văn số 517/TC-TCQT ngày 30/10/1992 của Ban Tài chính quản trị Trung ương hướng dẫn thi hành Nghị quyết của Bộ Chính trị về chế độ đảng phí; Thông tư liên Bộ số 103/TTLB ngày 02/12/1994 của Bộ Tài chính - Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hướng dẫn trích nộp kinh phí công đoàn; hội phí, đoàn phí của các tổ chức đoàn thể khác nếu thiếu thì doanh nghiệp được hạch toán phân chênh lệch thiếu vào chi phí kinh doanh của doanh nghiệp để bổ sung kinh phí cho các tổ chức trên.

3. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định số 27/1999/NĐ-CP ngày 20/4/1999 của Chính phủ có hiệu lực. Các quy định khác vẫn thực hiện theo quy định tại Thông tư số 63/1999/TT-BTC ngày 07/6/1999 của Bộ Tài chính./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

TRẦN VĂN TÁ

THÔNG TƯ số 10/2000/TT-BTC ngày 01/2/2000 hướng dẫn việc kê khai nộp thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của các cơ sở kinh doanh xuất bán tại các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc ở các tỉnh, thành phố khác và xuất bán qua đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng.

Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng; Nghị định số 28/1998/NĐ-CP ngày 11/5/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng;

Nhằm hướng dẫn việc thực hiện kê khai nộp thuế giá trị gia tăng phù hợp với tổ chức kinh doanh của các cơ sở kinh doanh và phù hợp với Thông tư số 140/1999/TT-BTC ngày 02/12/1999 hướng dẫn bổ sung, sửa đổi một số điểm trong Thông tư số 73 -TC/TCT ngày 20/10/1997 và Thông tư số 17/1999/TT-BTC ngày 05/2/1999 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ hóa đơn, chứng từ đối với hàng hóa lưu thông trên thị trường; việc kê khai nộp thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của các cơ sở kinh doanh xuất bán tại các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc ở các tỉnh, thành phố khác và xuất bán qua đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng như sau:

I. Đối với hàng hóa các cơ sở kinh doanh xuất bán tại các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc ở các tỉnh, thành phố khác nơi đặt văn phòng trụ sở chính của cơ sở sản xuất, kinh doanh.

1. Lập và luân chuyển hóa đơn, chứng từ đối với hàng hóa xuất kho và tiêu thụ nội bộ:

a) Khi cơ sở sản xuất kinh doanh xuất hàng hóa đến các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc như các chi nhánh, cửa hàng... ở các tỉnh, thành phố khác nơi đặt văn phòng trụ sở chính, phải lập phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ, kèm theo lệnh điều động nội bộ của cơ sở sản xuất, kinh doanh.

b) Các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc bao gồm chi nhánh và cửa hàng... khi bán hàng hóa phải lập hóa đơn giá trị gia tăng hàng hóa bán ra theo quy định.

Đối với hàng hóa bán ra là hàng hóa do Công ty, đơn vị cấp trên điều động, giao bán thì các đơn vị trực thuộc căn cứ vào số lượng, giá bán của hàng hóa đã bán lập Bảng kê hóa đơn hàng hóa bán ra chuyển về Công ty, đơn vị cấp trên để lập hóa đơn cho hàng hóa theo quy định tại điểm 1c mục này. Bảng kê hóa đơn của hàng hóa điều động nội bộ tiêu thụ trong tháng được lập theo mẫu số 02/GTGT (ban hành kèm theo Thông

tư số 89/1998/TT-BTC ngày 27/6/1998 của Bộ Tài chính) thành 2 bản: 1 bản lưu tại đơn vị, 1 bản gửi về đơn vị cấp trên trực tiếp (nếu có) hoặc văn phòng trụ sở chính của cơ sở sản xuất kinh doanh. Bảng kê hóa đơn hàng hóa bán ra được lập cho từng tháng. Trường hợp số lượng và doanh số hàng hóa bán ra lớn, đơn vị lập bảng kê theo định kỳ cho 5 hay 10 ngày do đơn vị kinh doanh quy định, để đảm bảo kê khai nộp thuế kịp thời.

c) Căn cứ vào số hàng hóa các đơn vị trực thuộc đã bán ra, cơ sở kinh doanh lập hóa đơn giá trị gia tăng phản ánh hàng hóa tiêu thụ nội bộ cho các đơn vị trực thuộc. Giá bán ghi trên hóa đơn là giá bán nội bộ hoặc giá bán cho người mua do đơn vị quyết định. Căn cứ để lập hóa đơn là Bảng kê hóa đơn hàng hóa bán ra do các đơn vị trực thuộc lập và gửi về cơ sở kinh doanh theo quy định tại điểm 1b mục này. Hóa đơn được lập tổng hợp cho 1 Bảng kê trừ trường hợp Bảng kê lập cho các sản phẩm, nhóm sản phẩm có thuế suất khác nhau. Hóa đơn giá trị gia tăng lập thành 3 liên: liên 1 lưu tại đơn vị chính, liên 2 giao cho đơn vị trực thuộc tiêu thụ hàng hóa, liên 3 làm chứng từ hạch toán. Hóa đơn phải ghi rõ vào dưới cột B (tên hàng hóa, dịch vụ): "Hàng bán điều chuyển nội bộ". Hóa đơn này không sử dụng thay thế chứng từ lưu thông hàng hóa trên thị trường.

2. Kê khai, nộp thuế:

a) Đối với văn phòng chính của các cơ sở kinh doanh:

Văn phòng chính của cơ sở kinh doanh hàng tháng kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng tại địa phương nơi đóng trụ sở theo quy định hiện hành. Doanh thu kê khai nộp thuế giá trị gia tăng bao gồm doanh thu bán hàng theo hóa đơn giá trị gia tăng do văn phòng chính của cơ sở kinh doanh trực tiếp bán và doanh thu hàng hóa xuất bán tại các đơn vị trực thuộc theo hóa đơn giá trị gia tăng xuất cho đơn vị trực thuộc theo quy định tại điểm 1.c Mục này (kèm theo Bảng kê hóa đơn bán ra

của hàng hóa điều chuyển nội bộ đã tiêu thụ do các đơn vị trực thuộc báo cáo - Bản sao có xác nhận và đóng dấu của cơ sở kinh doanh). Trường hợp cơ sở kinh doanh chưa tổng hợp đầy đủ và kịp thời số lượng hàng hóa điều chuyển nội bộ cho các đơn vị trực thuộc đã tiêu thụ trong tháng để lập hóa đơn giá trị gia tăng và kê khai nộp thuế thì số hàng hóa đã tiêu thụ trong tháng chưa lập hóa đơn sẽ chuyển sang để lập hóa đơn và kê khai nộp thuế vào tháng kế tiếp.

b) Đối với các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

Hàng tháng, các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc như chi nhánh, cửa hàng... phải kê khai nộp thuế giá trị gia tăng tại địa phương nơi chi nhánh, cửa hàng... đăng ký, kê khai, nộp thuế theo quy định tại Mục II Phần C Thông tư số 89/1998/TT-BTC (bao gồm cả hàng hóa điều chuyển nội bộ và hàng hóa khác do đơn vị trực tiếp mua bán), kèm theo Bảng kê hóa đơn bán ra của hàng hóa điều chuyển nội bộ đã tiêu thụ do các đơn vị trực thuộc báo cáo (nếu có).

Ví dụ: Công ty xi măng A có trụ sở chính tại Hải Phòng. Công ty có chi nhánh B là đơn vị hạch toán phụ thuộc đóng tại Hà Nội và có cửa hàng C đóng tại Hà Tây là đơn vị trực thuộc, hạch toán phụ thuộc chi nhánh B. Trong tháng Công ty A xuất điều chuyển nội bộ cho chi nhánh B là 1000 tấn xi măng. Trong tháng chi nhánh B đã trực tiếp bán được 500 tấn và xuất điều chuyển cho cửa hàng C là 300 tấn. Trong tháng cửa hàng C đã tiêu thụ được 150 tấn. Việc lập hóa đơn, chứng từ và kê khai nộp thuế của các đơn vị như sau:

- Khi Công ty A, chi nhánh B xuất hàng điều chuyển nội bộ cho các đơn vị trực thuộc sử dụng phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ.

- Cửa hàng C khi tiêu thụ xi măng phải xuất hóa đơn cho khách hàng và phải kê khai nộp thuế giá trị gia tăng tại Hà Tây cho hàng hóa bán ra bao gồm cả xi măng do chi nhánh B điều chuyển

đã tiêu thụ (150 tấn) đồng thời lập Bảng kê hóa đơn xi măng đã bán (150 tấn) gửi về chi nhánh B để chi nhánh B làm cơ sở lập hóa đơn giá trị gia tăng của số xi măng điều chuyển cho cửa hàng C đã tiêu thụ tại Hà Tây (150 tấn). Căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng do chi nhánh B lập, cửa hàng C kê khai thuế giá trị gia tăng đầu vào cho số xi măng đã tiêu thụ.

- Chi nhánh B tại Hà Nội phải kê khai nộp thuế giá trị gia tăng tại Hà Nội cho hàng hóa bán ra trong tháng bao gồm cả số xi măng do Công ty A điều chuyển đã tiêu thụ (650 tấn - gồm 500 tấn tiêu thụ tại Hà Nội và 150 tấn tiêu thụ tại cửa hàng tại Hà Tây). Đồng thời chi nhánh B lập Bảng kê hóa đơn cho số xi măng do Công ty điều chuyển đã tiêu thụ là 650 tấn gửi về Công ty A tại Hải Phòng để Công ty A lập hóa đơn giá trị gia tăng cho số xi măng đã tiêu thụ 650 tấn. Hóa đơn thuế giá trị gia tăng do Công ty A lập làm cơ sở để chi nhánh B kê khai thuế giá trị gia tăng đầu vào đối với số xi măng đã tiêu thụ (650 tấn).

- Công ty xi măng A tại Hải Phòng kê khai nộp thuế giá trị gia tăng tại Hải Phòng cho số lượng xi măng Công ty trực tiếp bán và số xi măng điều chuyển cho chi nhánh B đã tiêu thụ (650 tấn).

II. Đối với hàng hóa các đơn vị bán thông qua đại lý hoa hồng.

1. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh (đơn vị là chủ hàng giao đại lý) khi xuất hàng hóa giao cho cơ sở bán hàng đại lý đúng giá hưởng hoa hồng (đơn vị đại lý hoa hồng) theo quy định của Luật Thương mại phải lập phiếu xuất kho hàng gửi bán đại lý theo quy định tại Thông tư số 140/1999/TT-BTC ngày 02/12/1999 của Bộ Tài chính kèm hợp đồng đại lý hoa hồng.

Căn cứ vào hàng hóa thực tế đã tiêu thụ qua đại lý hoa hồng, đơn vị giao đại lý lập hóa đơn giá trị gia tăng phản ánh hàng hóa đã tiêu thụ để giao cho đơn vị đại lý hoa hồng.

Căn cứ để lập hóa đơn là Bảng kê hóa đơn bán

ra của hàng hóa bán qua đại lý đã tiêu thụ trong tháng do các đơn vị đại lý hoa hồng lập gửi về theo quy định tại điểm 2 mục này. Hóa đơn được lập tổng hợp vào một Bảng kê, trường hợp các sản phẩm, nhóm sản phẩm bán ra có thuế suất khác nhau thì lập riêng các Bảng kê theo loại hàng hóa có cùng thuế suất. Hóa đơn lập thành 3 liên: liên 1 lưu tại đơn vị giao đại lý, liên 2 giao cho đơn vị đại lý, liên 3 dùng làm chứng từ hạch toán.

Hóa đơn này phải ghi rõ ở dưới cột B (tên hàng hóa, dịch vụ): "Hàng bán đại lý hưởng hoa hồng". Hóa đơn này không sử dụng thay thế chứng từ lưu thông hàng hóa trên thị trường.

Định kỳ hàng tháng đơn vị giao đại lý thực hiện kê khai nộp thuế đối với hàng hóa đã tiêu thụ trong tháng, trong đó có hàng hóa bán qua đại lý hoa hồng theo quy định hiện hành kèm theo bản sao Bảng kê hóa đơn bán ra của hàng hóa đã tiêu thụ qua đại lý hưởng hoa hồng do đại lý lập có xác nhận và đóng dấu của đơn vị giao đại lý. Trường hợp đến thời gian kê khai nộp thuế, đơn vị giao đại lý chưa nhận và tập hợp kịp Bảng kê hóa đơn bán ra của hàng hóa đã tiêu thụ qua đại lý hoa hồng để lập hóa đơn giá trị gia tăng giao cho đại lý hoa hồng chưa kê khai thuế giá trị gia tăng đầu ra thì số hàng hóa bán qua đại lý đã tiêu thụ, được lập hóa đơn giá trị gia tăng và kê khai nộp thuế vào tháng kế tiếp.

2. Các đơn vị đại lý hoa hồng khi tiêu thụ hàng phải lập hóa đơn. Việc sử dụng hóa đơn đối với hàng bán thông qua đại lý hưởng hoa hồng như sau:

a) Các cơ sở đại lý hoa hồng là đối tượng tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế, khi bán hàng đại lý sử dụng hóa đơn giá trị gia tăng của đại lý. Việc ghi hóa đơn thực hiện như quy định đối với bên có hàng đưa đi bán đại lý thống nhất về giá bán chưa có thuế giá trị gia tăng, thuế suất, mức thuế giá trị gia tăng.

Đối với hàng hóa bán đại lý không thuộc diện

chịu thuế giá trị gia tăng hoặc hàng hóa bán đại lý thuộc diện chịu thuế giá trị gia tăng của bên giao đại lý là đối tượng tính thuế theo phương pháp trực tiếp cũng sử dụng hóa đơn giá trị gia tăng, trên hóa đơn chỉ ghi dòng giá bán là giá theo quy định của bên giao đại lý, dòng thuế suất và tiền thuế giá trị gia tăng không ghi và gạch chéo. Trường hợp hàng hóa bán đại lý là mặt hàng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt thì đơn vị đại lý hoa hồng phải đăng ký với cơ quan thuế để sử dụng hóa đơn bán hàng.

b) Cơ sở đại lý hoa hồng là đối tượng tính thuế theo phương pháp trực tiếp sử dụng hóa đơn bán hàng (áp dụng cho cả hàng hóa chịu thuế và không chịu thuế giá trị gia tăng), trên hóa đơn ghi giá bán theo giá quy định của bên có hàng đưa đi bán đại lý. Nếu hàng hóa bán đại lý thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng thì giá bán ghi trên hóa đơn là giá bao gồm cả thuế giá trị gia tăng.

3. Đơn vị đại lý hoa hồng khi thanh toán tiền hoa hồng, đơn vị đại lý phải xuất hóa đơn cho bên giao đại lý. Nếu đơn vị đại lý là đối tượng tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế thì sử dụng hóa đơn giá trị gia tăng, ghi dòng giá bán là tiền hoa hồng, không ghi và gạch chéo dòng thuế giá trị gia tăng; nếu đơn vị đại lý là đối tượng tính thuế theo phương pháp trực tiếp trên giá trị gia tăng thì sử dụng hóa đơn bán hàng (hóa đơn thông thường).

4. Hết tháng các đơn vị đại lý hoa hồng lập Bảng kê hóa đơn bán ra của hàng hóa bán qua đại lý đã tiêu thụ trong tháng theo mẫu số 02/GTGT ban hành tại Thông tư số 89/1998/TT-BTC gửi về cho đơn vị giao đại lý làm cơ sở để đơn vị giao đại lý lập hóa đơn giá trị gia tăng cho đơn vị đại lý hoa hồng đối với số hàng hóa đã tiêu thụ trong tháng.

Bảng kê hóa đơn bán ra của hàng hóa bán đại lý đã tiêu thụ trong tháng được lập thành 3 bản: 1 bản lưu tại đơn vị, 1 bản gửi cho đơn vị giao đại lý, 1 bản gửi cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý

thu thuế cùng với tờ kê khai nộp thuế của đơn vị. Trường hợp lượng hàng hóa bán ra lớn thì đơn vị giao đại lý quy định 5 hay 10 ngày định kỳ lập Bảng kê để lập hóa đơn cho phù hợp, đảm bảo kê khai nộp thuế kịp thời.

5. Các đại lý hoa hồng không phải kê khai, tính và nộp thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa bán đại lý và tiền thu về hoa hồng nhưng hàng tháng, chậm nhất là 10 ngày đầu tháng sau phải lập Bảng kê hóa đơn bán ra đối với hàng hóa bán đại lý đã tiêu thụ theo quy định tại điểm 4 mục này và Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa mua vào theo mẫu số 03/GTGT đối với hàng hóa đại lý hoa hồng ban hành kèm theo Thông tư số 89/1998/TT-BTC ngày 27/6/1998 của Bộ Tài chính gửi đến cơ quan thuế trực tiếp quản lý đơn vị đại lý.

- Các đại lý hoa hồng theo quy định của Luật Thương mại không phải tính và nộp thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa bán đại lý và tiền thu về hoa hồng phải có đủ điều kiện sau:

+ Có hợp đồng bán đại lý trong đó quy định rõ: hoa hồng được hưởng, giá bán theo quy định của bên giao đại lý.

+ Hóa đơn lập cho hàng hóa bán đại lý đúng quy định tại Thông tư này.

+ Việc thanh toán tiền hàng và hoa hồng đại lý được thực hiện từng đợt sau khi đã hoàn thành việc bán số lượng hàng hóa nhất định.

- Các đại lý hoa hồng nếu không đủ các điều kiện trên thì phải kê khai, tính và nộp thuế giá trị gia tăng cho hàng hóa bán đại lý áp dụng như trường hợp hàng hóa mua đứt, bán đoạn. Tiền thu về hoa hồng hạch toán thu nhập khác chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các trường hợp đại lý bán hàng hóa không đúng giá quy định của bên giao đại lý phải kê khai nộp thuế giá trị gia tăng cho hàng hóa bán đại lý. Nếu đơn vị phát sinh thuế giá trị gia tăng đầu vào lớn hơn thuế giá trị gia tăng đầu ra do

giá bán thấp hơn giá quy định của bên giao đại lý thì đơn vị không đủ cơ sở để được hoàn thuế giá trị gia tăng.

III. HIỆU LỰC THI HÀNH

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho việc kê khai nộp thuế giá trị gia tăng từ ngày 01 tháng 1 năm 2000.

Đối với các đơn vị do điều kiện, yêu cầu quản lý và hạch toán nếu không muốn sử dụng phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ, hoặc phiếu xuất kho gửi bán hàng đại lý mà sử dụng ngay hóa đơn giá trị gia tăng khi xuất hàng hóa cho các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc ở khác địa phương hoặc cho đại lý hoa hồng thì đơn vị sử dụng hóa đơn giá trị gia tăng. Văn phòng chính của đơn vị và các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc ở khác địa phương căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng để kê khai nộp thuế giá trị gia tăng tại địa phương nơi đóng trụ sở theo quy định điểm 1, Mục II, Phần C Thông tư số 89/1998/TT-BTC ngày 27/6/1998 của Bộ Tài chính. Đơn vị phải đăng ký với cơ quan thuế trực tiếp quản lý về loại chứng từ sử dụng. Đơn vị chỉ được sử dụng một trong hai loại hóa đơn giá trị gia tăng hoặc phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ, phiếu xuất kho gửi bán hàng đại lý khi xuất kho hàng hóa cho các đơn vị phụ thuộc ở khác địa phương hoặc đại lý hoa hồng.

Quy định việc sử dụng hóa đơn (hóa đơn bán hàng), phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ hay phiếu xuất kho gửi bán hàng đại lý tại Thông tư này cũng áp dụng đối với các đơn vị sản xuất mặt hàng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt khi xuất hàng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt cho các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc hoặc xuất bán qua đại lý hoa hồng.

Các quy định trái với quy định tại Thông tư này đều bãi bỏ. Quy định về sử dụng hóa đơn, mã

số thuế, đăng ký nộp thuế áp dụng đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh và các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc ở khác tỉnh, thành phố; các đại lý hoa hồng vẫn thực hiện theo quy định tại Thông tư số 89/1998/TT-BTC ngày 27/6/1998, Thông tư số 175/1998/TT-BTC ngày 24/12/1998 của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn hiện hành khác.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, doanh nghiệp phản ánh về Bộ Tài chính để giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thứ trưởng

PHẠM VĂN TRỌNG

THÔNG TƯ số 11/2000/TT-BTC ngày 01/2/2000 hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với công ty chứng khoán cổ phần và trách nhiệm hữu hạn.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp được Quốc hội Khóa X, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 12 tháng 6 năm 1999;

Căn cứ Nghị định số 178/CP ngày 28/10/1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 48/1998/NĐ-CP ngày 11/7/1998 của Chính phủ về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với các công ty chứng khoán cổ phần và trách nhiệm hữu hạn như sau: